

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thái và ông Nguyễn Văn Thống.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Giang.– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX - ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đã ấn định này mở lại phiên tòa là ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị B, sinh năm 1989.

- Bị đơn: Anh Tướng Văn C, sinh năm 1984.

Cùng cư trú tại: Thôn Đồng Chăm, xã V.L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(Anh C vắng mặt không có lý do, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Bàn Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với Anh Tướng Văn C trên cơ sở tự nguyện,

tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V.L, huyện Yên Bình vào ngày 19/10/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chồng cứ đuổi ra khỏi nhà, đến cuối năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, do chồng tôi nghi ngờ ghen tuông, anh chị tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nay mâu thuẫn giữa anh chị không thể khắc phục. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tướng Văn C.

- Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung; cháu lớn Tướng Văn Trình, sinh ngày 07/8/2008, cháu thứ 2: Tướng Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; cháu thứ 3 là Tướng Thị Bích Nga, sinh ngày 15/02/2015. Khi ly hôn tôi nguyện vọng giao 3 con cho chồng nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ/1 cháu/ 1 tháng. 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tướng Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bàn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã V.L, huyện Yên Bình ngày 19/10/2007. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc bình thường, đến cuối năm 2022 thì vợ tôi đi làm thuê ở Hà Nội, đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ đi làm ăn xa về không quan tâm đến chồng, không ngủ chung với chồng, không cho động đến, tôi ở nhà nuôi con 1 mình, nay vợ tôi có đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn thì tôi vẫn muốn vợ tôi suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con, tôi vẫn yêu vợ. Tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung; cháu lớn Tướng Văn Trình, sinh ngày 07/8/2008, cháu thứ 2: Tướng Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; cháu thứ 3 là Tướng Thị Bích Nga, sinh ngày 15/02/2015. Tôi không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì. Còn nếu phải ly hôn thì tôi nhận nuôi cả 3 cháu và yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng / 1 cháu; 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Các cháu Tướng Văn Trinh, Tướng Thị Bích Nga, Tướng Thị Bích Ngọc đều có nguyện vọng ở với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị B để xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn với anh Tướng Văn C. Về nuôi con chung: Giao ba con chung là Tướng Văn Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Tướng Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; Tướng Thị Bích Nga, sinh ngày 15/02/2015 cho anh Tướng Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật, chị Bàn Thị B cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng / 1 cháu; 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng; Về án phí: Chị Bàn Thị B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Tướng Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Chăm, xã V.L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V.L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 19/10/2007, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B cho rằng vợ chồng chung sống đến năm

2020 thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh C hay uống rượu say về đuồi chị ra khỏi nhà, đến cuối năm 2022, đầu năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, do chồng tôi nghi ngờ ghen tuông, anh chị tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nay mâu thuẫn giữa anh chị không thể khắc phục chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Toà án đã triệu tập anh chị đến Hoà giải, anh C không nhất trí ly hôn, muốn chị B suy nghĩ lại để quay về cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng anh không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, Toà án đã triệu tập anh chị để hoà giải lần 2 nhưng anh C không đến, thể hiện anh C không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị B là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn anh Tướng Văn C.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C có 03 người con chung; cháu lớn Tướng Văn Trình, sinh ngày 07/8/2008, cháu thứ 2: Tướng Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; cháu thứ 3 là Tướng Thị Bích Ngà, sinh ngày 15/02/2015. Kể từ khi anh chị sống ly thân thì ba cháu ở với anh C, chị B đi làm ăn xa. Khi giải quyết ly hôn anh C và chị B đều có nguyện vọng giao 3 cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu và chị B cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng / 1 cháu; 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng; Xét nguyện vọng của anh C, chị B là có căn cứ bởi lẽ: Cả 3 cháu đều có nguyện vọng ở với bố và chị B đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, không thường xuyên chăm sóc các cháu nên để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cần giao 3 cháu Tướng Văn Trình, sinh ngày 07/8/2008; Tướng Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; cháu Tướng Thị Bích Ngà, sinh ngày 15/02/2015 cho anh Tướng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Điều 227, Điều 228, Điều 238; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hướng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị B được ly hôn anh Trương Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao 3 con chung là Trương Văn Trình, sinh ngày 07/8/2008; Trương Thị Bích Ngọc; sinh ngày 15/02/2015; cháu Trương Thị Bích Ngà, sinh ngày 15/02/2015 cho anh Trương Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Chị Bàn Thị B cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng / 1 cháu; 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng; Kể từ tháng 10 năm 2024 trở đi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại B lai số: AA/2024//0000241 ngày 01-7-2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị Bàn Thị B còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã V.L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Sơn